

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bận
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tr Th B Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 66G/1, Khu phố 1A, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Th T Ph Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 66G/1, Khu phố 1A, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tr Th B Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr Th B Th và ông Th T Ph Đ tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 22 tháng 12 năm 2016. Quá trình chung sống,

thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Th M T M, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017. Khi ly hôn bà Th yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr Th B Th không yêu cầu ông Th T Ph Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Th T Ph Đ đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Th khởi kiện ông Đ yêu cầu ly hôn, ông Đ hiện đang thường trú tại địa chỉ: Số 66G/1, Khu phố 1A, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Th T Ph Đ theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông Đ trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên đơn bà Tr Th B Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông Đ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr Th B Th và ông Th T Ph Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 22 tháng 12 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tổ tụng, bà Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Đ không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập ông Đ tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông Đ vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà Th xác định bà không còn tình cảm với ông Đ, bà đã nhiều lần nộp đơn ly hôn với ông Đ, nhưng lại rút đơn để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng không thành nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Th M T M, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017. Khi ly hôn bà Th yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, cháu M là bé gái, hiện nay còn quá nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc của một người mẹ. Mặt khác, bà Th có điều kiện kinh tế, thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con. Do đó, bà Th yêu cầu giao con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr Th B Th đối với bị đơn ông Th T Ph Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr Th B Th được ly hôn Th T Ph Đ.

- Về con chung: Giao cháu Th M T M, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017 cho bà Tr Th B Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr Th B Th không yêu cầu ông Th T Ph Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tr Th B Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0053733 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

